



Cho hiệu suất và tính bền vững cao nhất

MASTER LEDtube T8 Siêu Hiệu Quả

Với giá năng lượng tăng và Thỏa thuận Xanh 2 của Liên minh Châu Âu tiếp tục tài trợ cho việc cải tạo các tòa nhà tiết kiệm năng lượng, nhiều người đang tìm kiếm giải pháp để giúp hệ thống chiếu sáng của công ty mình bền vững hơn. Đèn MASTER LEDtube Ultra Efficient T8 mới của Philips là một bước đột phá thực sự trên chặng đường tìm kiếm giải pháp chiếu sáng bền vững hơn. Đèn này thay thế trực tiếp bóng đèn huỳnh quang hoặc đèn LED hiện tại của bạn và giúp giảm thiểu chi phí năng lượng ngay lập tức cũng như có tuổi thọ dài hơn đáng kể!

Lợi ích

- Hiệu quả tiết kiệm năng lượng tuyệt đối: lên đến 44% so với đèn tuýp LED tiêu chuẩn
- Hiệu suất đáng tin cậy lên đến 100.000 giờ
- Tiết kiệm chi phí năng lượng và giảm phát thải CO2 ngay từ đầu

Tính năng

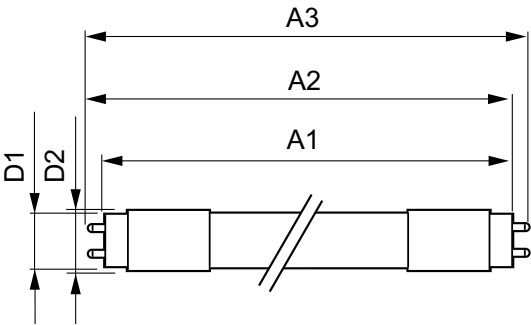
- Độ hiệu quả cực cao mang lại xếp hạng tiết kiệm năng lượng A/B ấn tượng
- Tuổi thọ lên tới 100.000 giờ
- Đui ở đầu có thể xoay được để cung cấp ánh sáng cho những nơi cần thiết
- Chống vỡ, đạt yêu cầu thử nghiệm thả rơi ngang từ độ cao 4 m trên bề mặt bê tông phẳng theo tiêu chuẩn IEC 61549
- Cho phép dễ dàng triển khai HACCP mà không cần thêm biện pháp bảo vệ, được chứng nhận NSF ở cấp độ sản phẩm

Ứng dụng

- Công nghiệp và kho hàng
- Văn phòng, giáo dục và bán lẻ

MASTER LEDtube T8 Siêu Hiệu Quả

Bản vẽ kích thước



Product	D1	D2	A1	A2	A3
MAS LEDtube 1200mm UE 11.9W 840 T8 EELA	25,8 mm	28 mm	1.198,2 mm	1.205,3 mm	1.212,4 mm
MAS LEDtube 1200mm UE 11.9W 865 T8 EELA	25,8 mm	28 mm	1.198,2 mm	1.205,3 mm	1.212,4 mm
MAS LEDtube 1200mm UE 13.5W 840 T8	25,8 mm	28 mm	1.198,2 mm	1.205,3 mm	1.212,4 mm
MAS LEDtube 1200mm UE 13.5W 865 T8	25,8 mm	28 mm	1.198,2 mm	1.205,3 mm	1.212,4 mm
MAS LEDtube 1500mm UE 20W 840 T8	25,8 mm	28 mm	1.498,8 mm	1.505,9 mm	1.513 mm
MAS LEDtube 1500mm UE 20W 865 T8	25,8 mm	28 mm	1.498,8 mm	1.505,9 mm	1.513 mm

Thông tin chung	
Đế dui đèn	G13 ROT
Chu kỳ bật/tắt	200.000
Thông tin kỹ thuật về đèn	
Góc chùm sáng (Danh định)	160 °
Chỉ số hoàn màu (CRI)	80
LLMF khi kết thúc tuổi thọ danh định (Danh định)	70 %
Vận hành và điện	
Tần số đầu vào	50 đến 60 Hz
Điều khiển và điều chỉnh độ sáng	
Có thể điều chỉnh độ sáng	Không
Cơ khí và vỏ đèn	
Lớp hoàn thiện bóng đèn	Sương giá
Hình dạng bóng đèn	T8

Thông tin chung

Order Code	Full Product Name	Tuổi thọ danh định
929003067002	MAS LEDtube 1200mm UE 13.5W 840 T8	75.000 h
929003067102	MAS LEDtube 1200mm UE 13.5W 865 T8	75.000 h
929003067202	MAS LEDtube 1500mm UE 20W 840 T8	75.000 h
929003067302	MAS LEDtube 1500mm UE 20W 865 T8	75.000 h
929003482208	MAS LEDtube 1200mm UE 11.9W 840 T8 EELA	100.000 h
929003731808	MAS LEDtube 1200mm UE 11.9W 865 T8 EELA	100.000 h

Thông tin kỹ thuật về đèn

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu		Quang thông
		tương quan (Danh định)	Mã màu	
929003067002	MAS LEDtube 1200mm UE 13.5W 840 T8	4000 K	840	2.500 lm
929003067102	MAS LEDtube 1200mm UE 13.5W 865 T8	6500 K	865	2.500 lm
929003067202	MAS LEDtube 1500mm UE 20W 840 T8	4000 K	840	3.700 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu		Quang thông
		tương quan (Danh định)	Mã màu	
929003067302	MAS LEDtube 1500mm UE 20W 865 T8	6500 K	865	3.700 lm
929003482208	MAS LEDtube 1200mm UE 11.9W 840 T8 EELA	4000 K	840	2.500 lm
929003731808	MAS LEDtube 1200mm UE 11.9W 865 T8 EELA	6500 K	865	2.500 lm

Vận hành và điện

MASTER LEDtube T8 Siêu Hiệu Quả

Order Code	Full Product Name	Tần số dòng	Mức tiêu thụ điện	Thời gian khởi động (Danh định)	Công suất tương dương
929003067002	MAS LEDtube 1200mm UE 13.5W 840 Hz T8	50 to 60	13,5 W	0,5 s	-
929003067102	MAS LEDtube 1200mm UE 13.5W 865 Hz T8	50 to 60	13,5 W	0,5 s	-
929003067202	MAS LEDtube 1500mm UE 20W 840 Hz T8	50 to 60	20 W	0,5 s	-

Order Code	Full Product Name	Tần số dòng	Mức tiêu thụ điện	Thời gian khởi động (Danh định)	Công suất tương dương
929003067302	MAS LEDtube 1500mm UE 20W 865 Hz T8	50 to 60	20 W	0,5 s	-
929003482208	MAS LEDtube 1200mm UE 11.9W 840 T8 EELA	-	11,9 W	1 s	36 W
929003731808	MAS LEDtube 1200mm UE 11.9W 865 T8 EELA	-	11,9 W	1 s	36 W

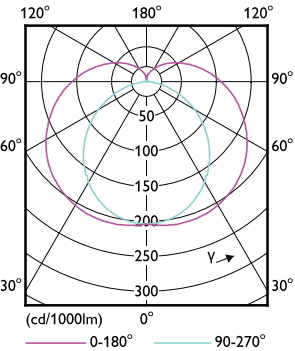
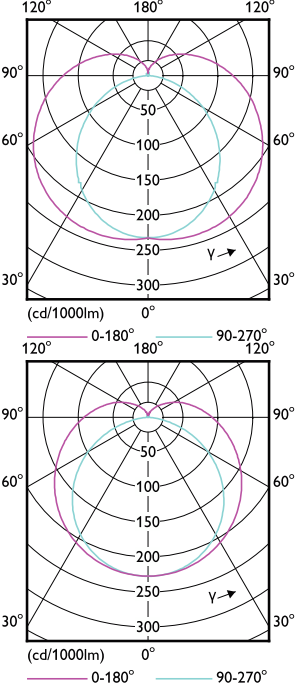
Nhiệt độ

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ vỏ tối đa (Danh định)
929003067002	MAS LEDtube 1200mm UE 13.5W 840 T8	55 °C
929003067102	MAS LEDtube 1200mm UE 13.5W 865 T8	55 °C
929003067202	MAS LEDtube 1500mm UE 20W 840 T8	60 °C

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ vỏ tối đa (Danh định)
929003067302	MAS LEDtube 1500mm UE 20W 865 T8	60 °C
929003482208	MAS LEDtube 1200mm UE 11.9W 840 T8 EELA	40 °C
929003731808	MAS LEDtube 1200mm UE 11.9W 865 T8 EELA	40 °C

Phê duyệt và ứng dụng

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép	Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h
929003067002	MAS LEDtube 1200mm UE 13.5W 840 T8	-20 °C đến 45 °C	14 kWh
929003067102	MAS LEDtube 1200mm UE 13.5W 865 T8	-20 °C đến 45 °C	14 kWh
929003067202	MAS LEDtube 1500mm UE 20W 840 T8	-20 °C đến 45 °C	20 kWh
929003067302	MAS LEDtube 1500mm UE 20W 865 T8	-20 °C đến 45 °C	20 kWh
929003482208	MAS LEDtube 1200mm UE 11.9W 840 T8 EELA	-20 đến +45°C	-
929003731808	MAS LEDtube 1200mm UE 11.9W 865 T8 EELA	-20 đến +45°C	-



MASTER LEDtube T8 Siêu Hiệu Quả

